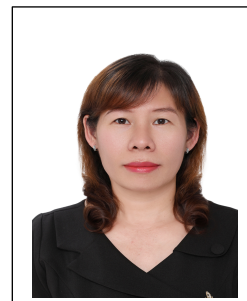


CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒ ; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Kinh tế; Chuyên ngành: Kế toán

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: **Lê Thị Mỹ Hạnh**

2. Ngày tháng năm sinh: **18/1/1979**; Nữ ☒ Quốc tịch: **Việt Nam**;

Dân tộc: **Kinh**; Tôn giáo: **Phật giáo**

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☐

4. Quê quán: **Phường Xuân Hà, Q.Thanh Khê, TP.Đà Nẵng.**

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: **1/53 Nguyễn Thế Truỵện, Phường Tân Sơn Nhì, Quận Tân Phú, TP.HCM.**

6. Địa chỉ liên hệ: **1/53 Nguyễn Thế Truỵện, Phường Tân Sơn Nhì, Quận Tân Phú, TP.HCM.**

Điện thoại nhà riêng:; Điện thoại di động: **0918.281.255**;

E-mail: **lethimyhánh@tdtu.edu.vn**

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

- Từ năm 2000 đến 2002: Kế toán tổng hợp, Công ty Liên doanh Havico
- Từ năm 2002 đến 2011: Giảng viên, Trường Đại học Tôn Đức Thắng
- Từ tháng 6 năm 2012 đến tháng 6 năm 2015: Phụ trách khoa, Phó trưởng khoa Kế toán, Trường Đại học Tôn Đức Thắng
- Từ tháng 6 năm 2015 đến tháng 9 năm 2016: Quyền Trưởng khoa Kế toán, Trường Đại học Tôn Đức Thắng
- Từ tháng 10 năm 2016 đến nay: Trưởng khoa Kế toán, Trường Đại học Tôn Đức Thắng

Chức vụ hiện nay: **Trưởng khoa**; Chức vụ cao nhất đã qua: **Trưởng khoa**

Cơ quan công tác hiện nay: **Khoa Kế toán, Trường Đại học Tôn Đức Thắng**

Địa chỉ cơ quan: **Số 19, đường Nguyễn Hữu Thọ, Phường Tân Phong, Quận 7, TP.HCM**

Điện thoại cơ quan: **(028) 37755034**

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

8. Đã nghỉ hưu từ thángnăm

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 01 tháng 11 năm 2001; số văn bằng: 293662; ngành: Kinh tế, chuyên ngành: Kế toán kiểm toán; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

- Được cấp bằng ThS ngày 25 tháng 4 năm 2007; số văn bằng: 0029776; ngành: Kinh tế; chuyên ngành: Kế toán; Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

- Được cấp bằng TS ngày 2 tháng 6 năm 2016; số văn bằng: 000019; ngành: Kinh doanh và Quản lý; chuyên ngành: Kế toán; Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

- Được cấp bằng TSKH ngày ... tháng ... năm; số văn bằng:; ngành:; chuyên ngành:; Nơi cấp bằng TSKH (trường, nước):

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày tháng năm ngành:

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư tại HĐGS cơ sở: **Trường Đại học Tôn Đức Thắng**

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: **Kinh tế (chuyên ngành: Kế toán)**

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

Quá trình nghiên cứu chính của ứng viên được thể hiện rõ qua hai giai đoạn: giai đoạn trước và sau khi ứng viên thực hiện luận án tiến sĩ.

(1) Hướng nghiên cứu 1: Nghiên cứu về kế toán tài chính, báo cáo tài chính và mức độ minh bạch, chất lượng thông tin tài chính.

Từ khi bắt đầu tham gia vào công tác đào tạo, ứng viên đã tập trung chuyên môn sâu về lĩnh vực kế toán tài chính bởi kế toán tài chính không chỉ là công cụ báo cáo mà còn ảnh hưởng đến quyết định chiến lược và đầu tư của doanh nghiệp. Đồng thời, thông tin tài chính là nền tảng quan trọng để đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp. Chất lượng và mức độ minh bạch của thông tin tài chính ảnh hưởng đến sự tin cậy của các bên liên quan (nhà đầu tư, ngân hàng, cơ quan quản lý và cả nhân viên của doanh nghiệp). Vì vậy, ứng viên đã trải qua quá trình tham gia viết sách tham khảo cho sinh viên, làm luận văn thạc sĩ đến luận án tiến sĩ cũng như các chủ đề nghiên cứu để viết báo và công bố trong và ngoài nước tập trung vào nội dung nghiên cứu theo **hướng nghiên cứu 1 là: Kế toán tài chính, báo cáo tài chính và mức độ minh bạch, chất lượng thông tin tài chính.**

- *Kết quả của nghiên cứu liên quan đến hướng nghiên cứu 1:*

- **Đề tài NCKH:** Số lượng: **01 đề tài** cấp cơ sở; Thứ tự trong mẫu 01 (Mục 6.I): [1].
- **Bài báo và báo cáo khoa học trước tiến sĩ: 07 bài;** Thứ tự trong mẫu 01 (Mục 7.1.a): [1], [2], [3], [4], [5], [6], [7] (*Trong đó, có 02 bài đăng trong kỷ yếu hội thảo quốc tế uy tín được liệt kê trong cơ sở dữ liệu Web of Science (WoS); 1 bài đăng trong kỷ yếu hội thảo quốc tế và 1 bài đăng trong kỷ yếu hội thảo quốc gia. Có 06/07 bài tác giả chính*).
- **Bài báo và báo cáo khoa học sau tiến sĩ: 05 bài;** Thứ tự trong mẫu 01 (Mục 7.1.a): [8], [17], [22], [24], [36] (*Tất cả các bài báo đều đăng trên tạp chí uy tín; Trong đó, có 2 bài thuộc Scopus: [17], [22]; 2 bài thuộc SSCI Q2, Q1: [24], [36]; 01 bài đăng trong kỷ yếu hội thảo quốc tế uy tín được liệt kê trong cơ sở dữ liệu WoS: [8]. Có 05/05 bài ứng viên là tác giả chính*).
- **Hướng dẫn HVCH: 04** học viên; Thứ tự trong mẫu 01 (Mục 4): [1], [2], [3], [4].
- **Sách phục vụ đào tạo:** Số lượng: **03;** Thứ tự trong mẫu 01 (Mục 5): [1], [2], [3].

(2) Hướng nghiên cứu 2: Nghiên cứu về quản trị công ty và hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

Sau khi hoàn tất luận án tiến sĩ (sau năm 2016), ứng viên tiếp tục phát triển hướng nghiên cứu 1 và nhấn mạnh hơn về chất lượng báo cáo tài chính nhưng gắn đến hành vi của nhà quản lý. Đồng thời, ứng viên nhận thấy rằng, các kiến thức về kế toán tài chính hay thông tin tài chính không chỉ nghiên cứu sâu một cách đơn lẻ mà cần phát triển mối liên kết chặt chẽ với quá trình quản trị công ty nhằm giúp doanh nghiệp và các bên có liên quan giám sát và kiểm soát hiệu quả nguồn lực tài chính nhằm đảm bảo sự thành

công và phát triển bền vững của doanh nghiệp trong môi trường kinh doanh đầy biến động như ngày nay. Ứng viên tiếp tục phát triển hướng nghiên cứu tìm kiếm các giải pháp nâng cao hệ thống quản trị công ty nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp. Vì vậy, ứng viên xác định **hướng nghiên cứu 2** là: **Nghiên cứu về quản trị công ty và hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.**

- *Kết quả của nghiên cứu liên quan đến hướng nghiên cứu 2:*

- **Đề tài NCKH:** Số lượng: **01 đề tài** cấp cơ sở; Thứ tự trong mẫu 01 (Mục 6.II): [1].
- **Bài báo và báo cáo khoa học sau tiến sĩ:** **14 bài**; Thứ tự trong mẫu 01 (Mục 7.1.a): [9], [10], [11], [12], [13], [14], [15], [16], [20], [21], [23], [29], [34], [35] (Trong đó, có 02 bài thuộc SSCI: [21], [23]; 03 bài thuộc ESCI/Scopus: [14], [20], [29] và 05 bài đăng trong kỷ yếu hội thảo quốc tế uy tín được liệt kê trong cơ sở dữ liệu WoS; Có 12/14 bài ứng viên là tác giả chính).
- **Sách phục vụ đào tạo:** Số lượng: **02**;
Thứ tự trong mẫu 01 (Mục 5): [4], [5].
- **Hướng dẫn HVCH:** 01 học viên; Thứ tự trong mẫu 01 (Mục 4): [5].

(3) Hướng nghiên cứu 3: Nghiên cứu về vốn trí tuệ, hiệu quả hoạt động và trách nhiệm xã hội hướng đến mục tiêu phát triển bền vững của doanh nghiệp.

Tiếp nối với 2 hướng nghiên cứu trên, xuất phát từ thực tế ngày càng biến động về môi trường kinh doanh và sự phát triển của khoa học kỹ thuật và quá trình toàn cầu hoá đến việc thúc đẩy mạnh mẽ nền kinh tế tri thức, ứng viên nhận thấy, sự phát triển kinh tế chuyển dần từ nguồn lực hữu hình sang nguồn lực vô hình, và việc sử dụng hiệu quả nguồn vốn vô hình có thể nâng cao tốc độ tăng trưởng, đặc biệt là ứng viên muốn xem xét sự đầu tư vào nhân viên, quy trình, đổi mới, R&D, mối quan hệ với khách hàng và nhà cung cấp, mạng lưới và hợp tác tác động như thế nào đến hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp. Vì vậy, ứng viên mở rộng nghiên cứu thêm lĩnh vực về vốn trí tuệ (Intellectual Capital – IC). Đồng thời, trước sự biến động của nền kinh tế toàn cầu kèm các vấn đề phát sinh phức tạp về dịch bệnh, sự phát triển quá nóng của các nền kinh tế kéo theo nhiều rủi ro và tác động xấu đến môi trường, xã hội và quá trình quản trị của doanh nghiệp. Từ đó, ứng viên nhận thức rằng, lợi ích của doanh nghiệp phải gắn với lợi ích chung của cộng đồng và xã hội; gia tăng hiệu quả hoạt động của đơn vị nhưng cần đảm bảo sự hài hoà và hướng đến sự phát triển bền vững cho chính doanh nghiệp mình và lợi ích của toàn xã hội. Chính vì vậy, ứng viên xác định **hướng nghiên cứu 3** là:

Nghiên cứu về vốn trí tuệ, hiệu quả hoạt động và trách nhiệm xã hội hướng đến mục tiêu phát triển bền vững của doanh nghiệp.

- *Kết quả của hướng nghiên cứu 3 bao gồm:*

- **Đề tài NCKH:** Số lượng: **01** đề tài cấp cơ sở; Thứ tự trong mẫu 01 (Mục 6.II): [2].
- **Bài báo và báo cáo khoa học sau tiến sĩ:** **10** bài; Thứ tự trong mẫu 01 (Mục 7.1.a): [18], [19], [25], [26], [27], [28], [30], [31], [32], [33]. Trong đó, có 09 bài báo đều đăng trên tạp chí uy tín; 05 bài thuộc SSCI: [19], [26], [27], [28], [32]; 3 bài thuộc ESCI/Scopus: [18], [25], [30]. Có **09/10** bài ứng viên là tác giả chính.
- **Sách phục vụ đào tạo:** Số lượng: **01**; Thứ tự trong mẫu 01 (Mục 5): [6].
- **Hướng dẫn HVCH:** Số lượng: **02**; Thứ tự trong mẫu 01 (Mục 4): [6], [7].

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học

Trong suốt hơn 20 năm tham gia vào công tác giảng dạy và nghiên cứu, ứng viên đã đạt được các kết quả như sau:

14.1 Kết quả đào tạo

- Ứng viên hiện đang hướng dẫn chính 02 NCS từ năm 2022, hiện NCS đã bảo vệ xong 3 chuyên đề, đang thực hiện luận án với đề tài liên quan đến quản trị công ty, trách nhiệm xã hội và hiệu quả hoạt động của công ty hướng đến mục tiêu phát triển bền vững.
- Ứng viên đã hướng dẫn thành công **07** học viên cao học (đã nhận bằng tốt nghiệp).
- Ứng viên đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: số lượng **03 cấp cơ sở (2 đề tài vai trò chủ nhiệm và 1 đề tài vai trò thành viên)**;
- Ứng viên đã tham gia nhiều vai trò từ giảng viên giảng dạy đến trưởng bộ môn và trưởng khoa kế toán tại Đại học Tôn Đức Thắng. Ứng viên tham gia là thành viên và chủ trì biên soạn đề cương chi tiết môn học, đến xây dựng chương trình đào tạo của các bậc hệ đào tạo từ cử nhân đến tiến sĩ ngành kế toán.

14.1 Kết quả nghiên cứu khoa học

- Ứng viên đã công bố **36** bài báo khoa học với tổng số trích dẫn là **344 lần** (*được trích xuất từ Google Scholar tại ngày 25/6/2024*), trong đó có **29** bài báo khoa học sau tiến sĩ với vai trò chủ yếu là tác giả chính (tác giả đầu/tác giả gởi bài) (**27/29 bài**); Trong số đó có **17** bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín thuộc danh mục **SSCI/Scopus** (**9 bài trên tạp chí thuộc danh mục SSCI và Scopus, 4 bài thuộc ESCI và Scopus, 4 bài thuộc Scopus**).
- Số lượng sách đã xuất bản: tham gia biên soạn **06 sách** tham khảo với vai trò là thành viên. Sách được xuất bản tại nhà xuất bản tài chính và nhà xuất bản kinh tế TP.HCM.

- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: *Không có.*

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

Tháng năm	Lý do hình thức	Cấp quyết định
2022 – 2023	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ	Trường ĐH Tôn Đức Thắng cấp
Từ năm 2014-2021	Lao động tiên tiến và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ (Đã có thành tích xuất sắc tiêu biểu trong công tác từ năm 2014-2021)	Trường ĐH Tôn Đức Thắng cấp
2015	Bằng khen của Tổng Liên Đoàn Lao động VN vì thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua lao động giỏi và xây dựng tổ chức Công đoàn vững mạnh năm 2014-2015	Tổng Liên Đoàn Lao động Việt Nam cấp
2013 - 2014	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ	Trường ĐH Tôn Đức Thắng cấp
2012 – 2013	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ	Trường ĐH Tôn Đức Thắng cấp
11/2009	Giấy khen vì hoạt động nghiên cứu khoa học	Trường ĐH Tôn Đức Thắng cấp

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): **Không**

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo: **hoàn thành tốt nhiệm vụ**

Ứng viên có hơn 20 năm kinh nghiệm giảng dạy các môn học thuộc lĩnh vực Kế toán, Kiểm toán, Tài chính và Phương pháp nghiên cứu khoa học. Ứng viên hoàn thành vai trò của người giảng viên, không ngừng học hỏi, trao đổi kiến thức, cập nhật kiến thức mới, kinh nghiệm giảng dạy.

- **Về phẩm chất đạo đức của nhà giáo:** Ứng viên luôn giữ vững tác phong sư phạm, chuẩn mực trong các mối quan hệ với đồng nghiệp và sinh viên, luôn giữ được nhiệt huyết với con đường nghề nghiệp và làm việc với niềm đam mê, luôn hết mình cống hiến cho sự nghiệp giáo dục của đất nước. Bản thân ứng viên là lãnh đạo đơn vị trong nhiều năm, trong mọi công việc đều hoàn thành tốt nhiệm vụ và luôn nêu gương cho cấp dưới, đối xử công bằng, tôn trọng người khác, có sự chia sẻ và giúp đỡ đồng nghiệp trong công việc và cuộc sống. Thân thiện và chuẩn mực trong tất cả các mối quan hệ, tôn trọng

tập thể và luôn đặt lợi ích tập thể lên trên lợi ích cá nhân khi xử lý công việc. Tuân thủ pháp luật, tôn trọng quy định nơi làm việc, thực hiện đúng quy định, quy chế của nhà trường và ngành. Đáp ứng đầy đủ yêu cầu đối với nhà giáo.

- **Về công tác đào tạo:** Ứng viên có hơn 20 năm kinh nghiệm tham gia vào công tác đào tạo, từng đảm trách nhiều vai trò khác nhau từ giảng viên, trưởng bộ môn đến trưởng khoa nên bản thân luôn nhận thức được trách nhiệm của mình trong việc góp phần phát triển công tác đào tạo của nhà trường, của khoa, bộ môn và cá nhân. Ứng viên tham gia đa dạng các công việc phục vụ hoạt động đào tạo: giảng dạy các hệ Đại học, Th.S, NCS, tham gia xây dựng chương trình đào tạo ngành Kế toán của Trường Đại học Tôn Đức Thắng ở tất cả các hệ/bậc đào tạo trong nhiều năm qua, tham gia các hoạt động chuyên môn khác như biên soạn, thẩm định giáo trình/ tài liệu, xây dựng ngân hàng đề thi, kiểm định chương trình đào tạo theo các tiêu chuẩn trong nước và quốc tế (FIBAA, AUN...). Ứng viên luôn định hướng việc giáo dục sinh viên kết hợp chặt chẽ giữa lý thuyết với thực tiễn, chú trọng lồng ghép các chứng chỉ nghề nghiệp quốc tế. Đi cùng với xu hướng quốc tế hoá và hội nhập quốc tế, ứng viên thể hiện tinh thần tiên phong, cầu thị trong việc kết nối với các tổ chức, hiệp hội nghề nghiệp quốc tế, các trường Đại học phát triển trên thế giới để đối sánh và tích hợp các chương trình nghề nghiệp trong và ngoài nước của các hiệp hội nghề nghiệp trong nước và quốc tế vào các chương trình đào tạo cử nhân, thạc sỹ, tiến sỹ để chương trình tiệm cận dần với các chuẩn mực và xu hướng quốc tế. Từ đó, giúp người học được các đơn vị sử dụng lao động đánh giá cao và tin tưởng vào chất lượng đào tạo. Ứng viên không ngừng nâng cao chuyên môn, cập nhật kiến thức và liên tục đổi mới phương pháp giảng dạy, tác phong sư phạm, truyền cảm hứng nghề nghiệp để mỗi ca giảng trên lớp đều thật sự hiệu quả và giúp người học hiểu về nghề, đam mê với nghề, từ đó có thái độ và động lực học tập tích cực hơn. Ứng viên luôn được sinh viên đánh giá điểm hài lòng trên 5 điểm (thang điểm 6).

- **Về nghiên cứu khoa học:** Ứng viên luôn nỗ lực để không ngừng học hỏi, nâng cao trình độ và kiến thức phục vụ công tác nghiên cứu khoa học, ứng viên xác định rất rõ ngay từ khi bắt đầu, chỉ có nghiên cứu khoa học, bản thân mỗi giảng viên mới tiếp cận được với những kiến thức mới và mang tính cập nhật, rèn luyện các kỹ năng nghiên cứu chuyên sâu, phục vụ cho hoạt động giảng dạy và tư vấn doanh nghiệp. Ứng viên luôn tích cực tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học các cấp, từ hướng dẫn sinh viên trong phong trào nghiên cứu khoa học sinh viên, học viên, nghiên cứu sinh đến tham gia các dự án nghiên cứu cấp cơ sở, nhóm nghiên cứu chuyên sâu tại Trường ĐH Tôn Đức Thắng.

- **Về hoạt động xã hội và đoàn thể:** Ứng viên tích cực tham gia các hoạt động xã hội, đoàn thể. Nhiệt tình và luôn ủng hộ đơn vị trong các hoạt động đóng góp vì cộng đồng, các hoạt động tập thể nâng cao tinh thần và sức khỏe cho giảng viên, sinh viên tại đơn vị.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 23 năm 02 tháng
- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2018 – 2019			3	8	180	90	270/364/189
2	2019 – 2020				4	180	90	270/302/189
3	2020 - 2021				12	240	127,5	367,5/463,5/165
03 năm học cuối								
4	2021 – 2022			1	3	219	45	264/318/165
5	2022 – 2023			2		387	60	447/507/165
6	2023 - 2024			1		322,5	30	352/382/165

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài: ☐

- Học ĐH ☐ ; Tại nước:; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS ☐ hoặc luận án TS ☐ hoặc TSKH ☐ ; tại nước: năm.....

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước: ☐

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng:; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài: ☒

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: Tiếng Anh

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): Trường Đại học Tôn Đức Thắng, TP.HCM, Việt Nam

d) Đối tượng khác ☒ ; Diễn giải:

- Tham dự và trình bày báo cáo tại hội thảo quốc tế IBEA2015 (International conference on business, economics and accounting 2015) tổ chức tại Trường Đại học Kinh tế TP.HCM.

- Tham dự và trình bày báo cáo tại hội thảo quốc tế ICFE2015 (International Conference on Finance and Economics 2015) tại Trường Đại học Tôn Đức Thắng.

- Tham dự và trình bày báo cáo tại hội thảo quốc tế ICFE2016 (International Conference on Finance and Economics 2016) tại Trường Đại học Tôn Đức Thắng.

- Tham dự và trình bày báo cáo tại hội thảo quốc tế ICFE2018 (International Conference on Finance and Economics 2016) tại Trường Đại học Tôn Đức Thắng.

- Tham dự và trình bày tóm tắt báo cáo tại hội thảo quốc tế ICFME2023 (International Conference on Financial Management and Economics 2023) tại Trường Đại học Tôn Đức Thắng.

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): **Chứng chỉ tiếng Anh tương đương cấp độ B2 theo khung tham khảo Châu Âu chung về ngoại ngữ** ngày 26/8/2014 (Số hiệu 09/VĐTSDH, 09/082014).

4. Hướng dẫn học viên cao học đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
01	Nguyễn Thị Huệ Thanh <i>Hướng NC:1</i>		X	X		26/4/2017-25/10/2017	Trường ĐH Kinh tế TP.Hồ Chí Minh	01/08/2019
02	Trần Thị Ngân Giang <i>Hướng NC:1</i>		X	X		25/05/2017-24/11/2017	Trường ĐH Kinh tế TP.Hồ Chí Minh	01/08/2019
03	Phạm Nhật Tuấn <i>Hướng NC:1</i>		X	X		29/06/2018-01/03/2019	Trường ĐH Tôn Đức Thắng	12/04/2019
04	Võ Thị Diễm Hương <i>Hướng NC:1</i>		X	X		07/01/2021-24/02/2022	Trường ĐH Tôn Đức Thắng	14/04/2022
05	Lý Thùy Vân <i>Hướng NC:2</i>		X	X		31/12/2021-30/08/2022	Trường ĐH Tôn Đức Thắng	30/12/2022
06	Trương Hoài Hiếu <i>Hướng NC:3</i>		X	X		19/07/2022-27/03/2023	Trường ĐH Tôn Đức Thắng	03/07/2023

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
07	Nguyễn Ngọc Hạnh Nguyên <i>Hướng NC: 3</i>		X	X		28/02/2023-16/10/2023	Trường ĐH Tôn Đức Thắng	30/12/2023

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên/Hướng NC	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1	Bài tập Bài giải thực hành Kế toán tài chính	TK (310 trang)	Nhà xuất bản Tài chính - 2009	5	PGS.TS. Võ Văn Nhị <i>Hướng NC: 1</i>	Chương 1, 2, 3 từ trang 18-76; Chương 7, 8, 9 từ trang 118-179 và chương 12, 13, 14 từ trang 205-262	Giấy xác nhận về việc sử dụng sách tham khảo phục vụ đào tạo do Thư viện và Hiệu trưởng Trường Đại học xác nhận ngày 26/6/2024
2	Kế toán tài chính doanh nghiệp – Hướng dẫn lý thuyết & thực hành theo chế độ và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam	TK (480 trang)	Nhà xuất bản Tài chính - 2009	7	PGS.TS. Võ Văn Nhị <i>Hướng NC: 1</i>	Chương 4 - (từ trang 63-85) và chương 16 (từ trang 379-427)	Giấy xác nhận về việc sử dụng sách tham khảo phục vụ đào tạo do Thư viện và Hiệu trưởng Trường Đại học xác nhận ngày 26/6/2024
3	Hướng dẫn thực hành Kế toán trên Sổ Kế toán	TK (540 trang)	Nhà xuất bản Tài chính - 2010	5	PGS.TS. Võ Văn Nhị <i>Hướng NC: 1</i>	Phần 2 (từ trang 25-52), phần 3 (từ trang 63-162)	Giấy xác nhận về việc sử dụng sách tham khảo phục vụ đào tạo do Thư viện và Hiệu trưởng Trường Đại học xác nhận ngày 26/6/2024
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
4	Bài Tập Kế Toán Tài Chính <i>(Cập nhật theo TT200/2014/BTC)</i>	TK (270 trang)	Nhà xuất bản kinh tế TP.HCM - 2016	5	PGS.TS. Võ Văn Nhị <i>Hướng NC: 2</i>	Chương 1, 2, 3 từ trang 17-78; Chương 7, 8, 9 từ trang 118-183 và	Giấy xác nhận về việc sử dụng sách tham khảo phục vụ đào tạo do Thư viện và Hiệu trưởng Trường

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên/ Hướng NC	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
						chương 12, 13, 14 từ trang 228- 268	Đại học xác nhận ngày 26/6/2024
5	207 sơ đồ Kế toán hành chính sự nghị	TK (366 trang)	Nhà xuất bản Tài chính - 2018	3	TS. Hà Thị Ngọc Hà <i>Hướng</i> NC: 2	Soát xét và biên soạn từ phần XVI đến XXI (từ trang 175- 238)	Giấy xác nhận về việc sử dụng sách tham khảo phục vụ đào tạo do Thư viện và Hiệu trưởng Trường Đại học xác nhận ngày 26/6/2024
6	375 sơ đồ Kế toán doanh nghiệp	TK (410 trang)	Nhà xuất bản Tài chính - 2021	3	TS. Hà Thị Ngọc Hà <i>Hướng</i> NC: 3	Soát xét và biên soạn từ phần I đến phần III thuộc mục B (từ trang 73- 154); phần VI đến VIII thuộc mục C (từ trang 183-222)	Giấy xác nhận về việc sử dụng sách tham khảo phục vụ đào tạo do Thư viện và Hiệu trưởng Trường Đại học xác nhận ngày 26/6/2024

Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS.

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có)).
- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK Hưởng NC	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận PGS/TS				
1	Xây dựng cơ sở dữ liệu cho việc quyết định đầu tư vào các công ty niêm yết trên cơ sở các thông tin trình bày báo cáo tài chính	CN Hưởng NC 1	Cấp cơ sở	15/12/2005 – 15/12/2006	Ngày 5/2/2007 Xếp loại KQ: Hoàn thành
II	Sau khi được công nhận PGS/TS				
1	Does Powerful CEO Engage in Earnings Management? The Monitoring Role of Foreign Shareholders in Vietnamese Listed Companies	CN Hưởng NC 2	FOSTECT. 2017.BR.16 (Cấp cơ sở)	29/1/2018 – 28/1/2020	Ngày 5/5/2022 Xếp loại KQ: Hoàn thành
2	Does Government Monitor Managerial Overconfidence to The Benefits of Promoting R&D Investments among Malaysian Listed Company	TV Hưởng NC 3	FOSTECT. 2017.BR.17 (Cấp cơ sở)	29/1/2018 – 28/1/2020	Ngày 5/5/2022 Xếp loại KQ: Hoàn thành

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (*)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS							
1	Thông tin tài chính và công bố thông tin tài chính của các công ty niêm yết	2		Tạp chí Kế toán ISSN: 1859 - 1914			Số 86, trang 17-20	10/2010 Hưởng NC 1
2	Trao đổi về một số vấn đề có liên quan đến sự thay đổi của Chế độ kế toán doanh nghiệp khi áp dụng Thông tư 244	1	x	Tạp chí Kiểm toán ISSN: 0868-3227			Số 2 (123), trang 32-35	2/2011 Hưởng NC 1
3	Minh bạch thông tin trên báo cáo tài chính: Các nhân tố tác động và giải pháp	1	x	Tạp chí Đại học Thủ Dầu Một ISSN: 1859-4433			Số 5 (12), trang 34-41	2013 Hưởng NC 1

T T	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (*)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
4	The role of creditors and audit firms toward the transparency extent of financial information of listed companies: An Experimental study on the Vietnamese stock market	2	x	Proceeding of the 7 th International Scientific Conference Finance and Performance of Firms in Science, Education and Practice, Tomas Bata in Zlín. ISBN: 978-80-7454- 482-8	Web of Science (WOS)		Trang 839-853	4/2015 Hương NC 1
Link WOS: https://www.webofscience.com/wos/woscc/full-record/WOS:000374107300066 Link kỷ yếu: https://digilib.k.utb.cz/handle/10563/45975?show=full								
5	An Experimental Study Affects of The Financial Characteristics on The Financial Information Transparency Extent of Listed Companies on The Vietnamese Stock Market	2	x	Proceeding of the 3rd 2015 IBEA - International conference on business, economics and accounting, Viet Nam. ISBN: 97860219725-8-8			324-335	4/2015 Hương NC 1
Link kỷ yếu: https://caal-inteduorg.com/proceedings/ibea2015/ Link bài báo: https://caal-inteduorg.com/proceedings/ibea2015/c-fin11_vo-fan-nhi&le-thi-my-hanh_an-experimental-study-affects.pdf								
6	Evidence on the determinants of firm characteristics and inventory accounting policy choice: An empirical study in Vietnam	1	x	Proceeding of the 2nd International Conference on Finance and Economics 2015 (ICFE 2015). ISBN: 978-80-87990- 04-9	WOS		Trang 88-104	6/2015 Hương NC 1
Link WOS: https://www.webofscience.com/wos/woscc/full-record/WOS:000383851900006								
7	Nghiên cứu thực nghiệm mối quan hệ giữa quy mô công ty và việc lựa chọn phương pháp tính giá xuất kho của các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam	3	x	Kỷ yếu hội thảo khoa học “Hội nhập thị trường tài chính Asia 2015 – Cơ hội và thách thức”, Trường Đại học Kinh tế - Luật (ĐHQG -HCM). ISBN: 978-604-73-3618-0			Trang 546-560	Quý 3/2015 Hương NC 1

T T	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (*)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
II	Sau khi được công nhận PGS/TS							
8	The impact of firm size and audit firms' reputation on quality of financial reporting: Evidence from Vietnamese listed firms	3	x	Proceeding of the 3 rd International Conference on Finance and Economics (ICFE 2016), Ton Duc Thang University, Ho Chi Minh City, Vietnam. ISBN: 978-80-7454- 599-3	WOS		Trang 136-147	6/2016 Hương NC 1
	Link WOS: https://www.webofscience.com/wos/woscc/full-record/WOS:000471168600012 Link kỷ yếu: https://digilib.k.utb.cz/bitstream/handle/10563/43684/Proceedings%20ICFE%202016_final.pdf							
9	The Effect of Frequency of Board Meetings on Performance of Listed Firms: A Case from Vietnam	4	x	Proceeding of the 3 rd International Conference on Finance and Economics (ICFE 2016), Ton Duc Thang University, Ho Chi Minh City, Vietnam. ISBN: 978-80-7454- 599-3	WOS		Trang 124-135	6/2016 Hương NC 2
	Link WOS: https://www.webofscience.com/wos/woscc/full-record/WOS:000471168600011 Link kỷ yếu: https://digilib.k.utb.cz/bitstream/handle/10563/43684/Proceedings%20ICFE%202016_final.pdf							
10	The effect of audit firm and firm performance on the timeliness of the financial report: a case of Vietnamese stock market	3	x	Proceeding of the 10th International Days of Statistics and Economics, Prague, Czech Republic. ISBN: 978-80-87990-10-0	WOS	3	Trang 1050-1059	9/2016 Hương NC 2
	Link WOS: https://www.webofscience.com/wos/woscc/full-record/WOS:000389515100104 Link bài: https://msed.vse.cz/msed_2016/sbornik/toc.html							
11	Xây dựng và phát triển quan hệ hợp tác giữa trường Đại học và hội nghề nghiệp: Trường hợp Đại học Tôn Đức Thắng và VACPA	2		Kỷ yếu kiểm toán độc lập – VACPA 15 năm phát triển và hội nhập quốc tế - Hội kiểm toán viên hành nghề Việt			Trang 123-130	09/2020 Hương NC 2

T T	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (*)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
				Nam. ISBN: 978-604-330-958-0				
12	The effectiveness of internal control: the experiment on retail store chain business in Vietnam	3	x	Proceeding of the 8 th International Scientific Conference on Finance and Performance of Firms in Science, Education and Practice, Tomas Bata in Zlin. ISBN: 978-80-7454-653-2	WOS		Trang 521-536	4/2017 Hương NC 2
Link WOS: https://www.webofscience.com/wos/woscc/full-record/WOS:000471174000041 Link bài: https://digilib.k.utb.cz/handle/10563/43685								
13	Internal audit effectiveness: a case from Vietnamese listed companies	3	x	Proceeding of The 8 th International Scientific Conference on Finance and Performance of Firms in Science, Education and Practice, Tomas Bata in Zlin. ISBN: 978-80-7454-653-2	WOS		Trang 537-551	4/2017 Hương NC 2
Link WOS: https://www.webofscience.com/wos/woscc/full-record/WOS:000471174000042 Link bài: https://digilib.k.utb.cz/handle/10563/43685								
14	Board meeting frequency and financial performance: A case of listed firms in Vietnam	4	x	International Journal of Business and Society. ISSN: 1511-6670	Scopus Q3, ESCI	66	Vol.1, No.2, 2018, 464-472	1/2018 Hương NC 2
Link WOS: https://www.webofscience.com/wos/woscc/full-record/WOS:000442727700014 Link bài: http://www.ijbs.unimas.my/index.php/content-abstract/current-issue/484-board-meeting-frequency-and-financial-performance-a-case-of-listed-firms-in-vietnam								
15	Impact of the board meeting and gender diversity to firm performance: an empirical study in Vietnam	2	x	Proceeding of the 6 th International Conference Innovation Management, Entrepreneurship and Sustainability 2018, Prague. ISBN: 978-80-245-2274-6	WOS		Trang 751-764	5/2018 Hương NC 2
Link WOS: https://www.webofscience.com/wos/woscc/full-record/WOS:000461375200062								

T T	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (*)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
	Link bài: https://imes.vse.cz/wp-content/uploads/2018/07/Conference_Proceedings_IMES_2018.pdf							
16	The impacts of the executive board's characteristics on firm performance: An empirical study in Vietnam	5	x	Proceeding of the 5 th International Conference on Finance and Economics (ICFE 2018), Vietnam ISBN: 978-80-7454-767-6			Trang 511-526	9/2018 <i>Hường NC 2</i>
	Link bài: https://icfe2018.tdtu.edu.vn/sites/icfe2018/files/2018-09/ICFE%202018%20Proceedings_0.pdf							
17	Factors influencing the effectiveness of the accounting information system: a case from Vietnamese firms	3	x	Journal for Global Business Advancement ISSN: 1746-9678	Scopus Q3	4	Vol. 11, No.5, 587-609	1/2019 <i>Hường NC 1</i>
	Link bài: http://doi.org/10.1504/JGBA.2018.10018495							
18	Intellectual capital, governmental presence, and firm performance of publicly listed companies in Malaysia	4	x	International Journal of Learning and Intellectual Capital ISSN: 1479-4861	Scopus Q3, ESCI	88	Vol.1, No.2, 193-211	2/2019 <i>Hường NC 3</i>
	Link bài trên tạp chí: https://doi.org/10.1504/IJLIC.2019.098932							
19	The role of controlling shareholders in determining investments of intellectual capital among Taiwanese semiconductor companies	4	x	Journal of Intellectual Capital ISSN: 1469-1930	Scopus Q1, SSCI (IF: 6.9)	17	Vol.2, No.1, 62-86	1/2020 <i>Hường NC 3</i>
	Link bài trên tạp chí: https://doi.org/10.1108/JIC-05-2019-0091							
20	Founder effectiveness in sustaining financial performance: influence of family ownership	3		Journal for International Business and Entrepreneurship Development ISSN: 1747-6763	Scopus Q3, ESCI	7	Vol.1, No. 2/3, 109-121	3/2020 <i>Hường NC 2</i>
	Link bài trên tạp chí: https://doi.org/10.1504/JIBED.2020.106174							
21	R&D investment and future firm performance: The role of managerial overconfidence and government ownership	4	x	Managerial and Decision Economics ISSN: 0143-6570/1099-1468	Scopus Q3, SSCI (IF: 2.2)	34	Vol.4, No.7, 1269-1281	10/2020 <i>Hường NC 2</i>
	Link bài trên tạp chí: https://doi.org/10.1002/mde.3173							
22	The Impacts of CEO Age and Education Level on Earnings Management: Evidence from Listed Vietnamese Real Estate Firms	4	x	Institution & Economies ISSN: 22321640, 22321349	Scopus Q4	7	Vol.1 No.4, 71-91	10/2020 <i>Hường NC 1</i>
	Link bài trên tạp chí:							

T	T	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (*)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
									https://borneojournal.um.edu.my/index.php/ijie/article/view/26890
23		Nonlinear impacts of board independence on debt financing: Contingent on the shareholdings of the largest shareholder	4	x	International Journal of Finance & Economics ISSN: 1076-9307/ 1099-1158	Scopus Q3, SSCI (IF: 1.634)	10	Vol.2 No.2, 2289- 2306	4/2021 Hương NC 2
					Link bài trên tạp chí: https://doi.org/10.1002/ijfe.1907				
24		CEO power and earnings management: Dual roles of foreign shareholders in Vietnamese listed companies	4	x	International Journal of Finance & Economics ISSN: 1076-9307/ 1099-1158	Scopus Q2, SSCI (IF: 2.9)	39	Vol.2, No.1, 1240- 1256	1/2022 Hương NC 1
					Link bài trên tạp chí: https://onlinelibrary.wiley.com/doi/abs/10.1002/ijfe.2211 Link nội dung bài: https://doi.org/10.1002/ijfe.2211				
25		Intellectual capital and corporate profitability: zooming into value added intellectual coefficient	4	x	International Journal of Learning and Intellectual Capital ISSN: 1479-4853	Scopus Q3, ESCI	1	Vol.1, No. 5, 461- 489	5/2022 Hương NC 3
					Link bài trên tạp chí: https://doi.org/10.1504/IJLIC.2022.125350				
26		Intellectual capital and bank branches' efficiency: an integrated study	5	x	Journal of Intellectual Capital ISSN: 1469-1930	Scopus Q1, SSCI (IF: 6.9)	19	Vol.2, No.4, 840- 863	5/2022 Hương NC 3
					Link bài trên tạp chí: https://www.emerald.com/insight/content/doi/10.1108/JIC-07-2020-0245/full/html				
27		The cubic S-curve relationship between board independence and intellectual capital efficiency: does firm size matter?	4	x	Journal of Intellectual Capital ISSN: 1469-1930	Scopus Q1, SSCI (IF: 6.9)	15	Vol.2, No.5, 1025 - 1051	8/2022 Hương NC 3
					Link bài trên tạp chí: https://www.emerald.com/insight/content/doi/10.1108/JIC-08-2020-0276/full/html				
28		Nonlinearity in the relationship between intellectual capital and corporate performance: evidence from Vietnamese listed companies	4	x	Journal of Intellectual Capital ISSN: 1469-1930	Scopus Q1, SSCI (IF: 6.9)	20	No. 23, No.6, 1246- 1275	9/2022 Hương NC 3
					Link bài trên tạp chí: https://www.emerald.com/insight/content/doi/10.1108/JIC-03-2020-0105/full/html				

T T	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (*)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
29	CEO duality, board size and firm performance: evidence in Vietnam	4	x	International Journal of Business Excellence ISSN: 1756-0047	Scopus (Q3)	11	Vol. 29, No.1, 98-120	1/2023 Hương NC 2
Link bài trên tạp chí: https://www.inderscience.com/info/inarticle.php?artid=128255 Link nội dung bài báo: https://doi.org/10.1504/IJBEX.2023.128255								
30	Sustainability Targets in Executive Remuneration Contracts and Corporate Sustainability Performance in the United Kingdom and European Union	4		Environment Systems and Decisions ISSN: 2194-5403	Scopus (Q1)	3	Vol. 43,39 3-415	3/2023 Hương NC 3
Link bài trên tạp chí: https://link.springer.com/article/10.1007/s10669-023-09901-6								
31	Hiệu quả vốn trí tuệ tại các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam: Thực trạng và một số hàm ý nghiên cứu	4	x	Tạp chí Nghiên cứu Tài chính – Marketing ISSN: 1859-3690			Vol.1, No. 2, 36-47	4/2023 Hương NC 3
Link nội dung bài báo: https://jfm.ufm.edu.vn/index.php/jfm/article/view/331/233								
32	Family control, R&D expenses and firm efficiency: evidence from Taiwanese cultural and creative industries	4	x	International Journal of Emerging Markets ISSN: 1746-8809	Scopus Q2, SSCI (IF: 3.422)			4/2023 Hương NC 3
Link bài trên tạp chí: https://www.emerald.com/insight/content/doi/10.1108/IJOEM-11-2020-1291/full/html								
33	Corporate Social Responsibility Disclosure and Firm Financial Performance: An Empirical Study in Vietnamese Listed Firms (File giấy)	3	x	Proceeding of the 6th International Conference on Finance, Accounting and Auditing (ICFAA 2023). ISSN: 978-604-330-957-7			708-724	12/2023 Hương NC 3
34	The Effect of Ownership Structure on the Performance of Listed Firms in Vietnam	4	x	Proceeding of the 6th International Conference on Finance, Accounting and Auditing (ICFAA 2023). ISSN: 978-604-330-957-7			2306-2320	12/2023 Hương NC 2

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (*)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
35	Mapping The Investment Efficiency: A Co-Citation Analysis	5	x	International Journal of Industrial Management ISSN: 2289-9286			Vol.1, No.1, 60-71	3/2024 Hương NC 2
Link nội dung bài báo: https://journal.ump.edu.my/ijim/article/view/10426								
36	Financial reporting quality and investment efficiency in manufacturing firms: The role of firm characteristics in an emerging market	4	x	Journal of Competitiveness ISSN: 1804-171X	Scopus Q1, SSCI (IF: 3.649)		Vol.1, No.1, 62-78	3/2024 Hương NC 1
Link bài trên tạp chí: https://www.cjournal.cz/index.php?hid=clanek&bid=archiv&cid=518&cp= Link nội dung bài báo: https://www.cjournal.cz/files/518.pdf								

(*) Truy cập từ Google Scholar tại ngày 25/6/2024.

- Trong đó: Có 17 bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín sau TS có STT lần lượt là: 14, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27, 28, 29, 30, 32, 36; Ứng viên là tác giả chính 15/17 bài.

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							
...							
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							
...							

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS:

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
1					

2					
...					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS:

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					
2					
...					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1	Hội đồng khoa học và đào tạo Trường Đại học Tôn Đức Thắng nhiệm kỳ 2015 - 2020	Thành viên	Quyết định 1387/2015/TĐT-QĐ ngày 24 tháng 09 năm 2015	Trường Đại học Tôn Đức Thắng		
2	Hội đồng khoa học và đào tạo Khoa Kế toán - Trường Đại học Tôn Đức Thắng	Ủy viên	Quyết định 2355/2017/TĐT – QĐ ngày 19 tháng 12 năm 2017	Trường Đại học Tôn Đức Thắng		
3	Ban đánh giá năng lực đào tạo trình độ tiên sĩ ngành Kế toán	Ủy viên	Quyết định 2752/2018/TĐT – QĐ ngày 24/12/2018	Trường Đại học Tôn Đức Thắng		
4	Hội đồng khoa học và đào tạo Trường Đại học Tôn Đức Thắng nhiệm kỳ 2021 - 2026	Thành viên	Quyết định 1362/QĐ – TĐT ngày 11 tháng 06 năm 2021	Trường Đại học Tôn Đức Thắng		

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
5	Xây dựng chương trình đào tạo năm 2022 trình độ thạc sĩ ngành Kế toán	Thành viên	Quyết định 235/QĐ-TĐT ngày 08 tháng 02 năm 2022	Trường Đại học Tôn Đức Thắng		
6	Xây dựng chương trình đào tạo năm 2022 trình độ Tiến sĩ ngành Kế toán	Thành viên	Quyết định 235/QĐ-TĐT ngày 08 tháng 02 năm 2022	Trường Đại học Tôn Đức Thắng		
7	Xây dựng chương trình đào tạo năm 2022 trình độ Đại học: Kế toán; Kế toán, chương trình chất lượng cao; Kế toán (chuyên ngành Kế toán quốc tế), chương trình đại học bằng tiếng Anh; Kế toán, chương trình liên kết đào tạo quốc tế	Chủ tịch	Quyết định 235/QĐ-TĐT ngày 08 tháng 02 năm 2022	Trường Đại học Tôn Đức Thắng		
8	Rà soát, cập nhật chương trình đào tạo (CTĐT) Đại học chính quy năm 2023 ngành Kế toán Chương trình đào tạo: Tiêu chuẩn, Chất lượng cao, Đại học bằng tiếng Anh	Tổ trưởng	Danh sách tổ chuyên trách rà soát, cập nhật CTĐT Đại học chính quy năm 2023 theo kế hoạch 3741	Trường Đại học Tôn Đức Thắng		
9	Rà soát, cập nhật chương trình đào tạo (CTĐT) Đại học chính quy năm 2024 ngành Kế toán Chương trình đào tạo: Tiêu chuẩn, Chất lượng cao, Đại học bằng tiếng Anh	Tổ trưởng Chủ trì ngành đào tạo	Danh sách tổ chuyên trách rà soát, cập nhật CTĐT Đại học chính quy năm 2024 theo kế hoạch 603	Trường Đại học Tôn Đức Thắng		
10	Hội đồng thẩm định giáo trình, sách tham khảo “Kế toán tài chính” của Trường Đại học Kinh tế - Luật TP.HCM	Ủy viên Phản biện	Quyết định 23/QĐ-ĐHKTL-CTGL ngày 10 tháng 08 năm 2017	Trường Đại học Kinh tế - Luật TP.HCM		
11	Hội đồng thẩm định giáo trình, sách tham khảo “Bài tập và bài giải Kế toán tài chính” của Trường Đại học Kinh tế - Luật TP.HCM	Ủy viên Phản biện	Quyết định 24/QĐ-ĐHKTL-CTGL ngày 11 tháng 08 năm 2017	Trường Đại học Kinh tế - Luật TP.HCM		

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
12	Hội đồng thẩm định nghiệm thu giáo trình, tài liệu cấp trường năm học 2018 – 2019, giáo trình “Kế toán phần hành 1” của Trường Đại học Kinh tế - Luật TP.HCM	Ủy viên Phản biện 1	Quyết định 17/QĐ-ĐHKTL-CTGL ngày 22 tháng 06 năm 2020	Trường Đại học Kinh tế - Luật TP.HCM		
13	Ban nghiên cứu, soạn thảo chuẩn mực nghề nghiệp kiểm toán Việt Nam năm 2021	Thành viên	Quyết định 269-2021/QĐ-VACPA ngày 07 tháng 06 năm 2021	Hội kiểm toán viên hành nghề Việt Nam (VACPA)		
14	Ban nghiên cứu, soạn thảo chuẩn mực nghề nghiệp kiểm toán Việt Nam năm 2023	Thành viên	Quyết định 377-2023/QĐ-VACPA ngày 03 tháng 08 năm 2023	Hội kiểm toán viên hành nghề Việt Nam (VACPA)		
15	Hội đồng khoa học đánh giá, nghiệm thu cấp bộ đề tài khoa học và công nghệ cấp bộ (Tổ chức chủ trì: Trường Đại học Kinh tế TP.HCM)	Ủy viên	Quyết định 2273/QĐ – BGDĐT ngày 09 tháng 08 năm 2023	Trường Đại học Kinh tế TP.HCM)		

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): ...

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH, CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

.....

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng

ThS/CK2/BSNT (UV ☐ chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

.....

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

.....

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐ 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 6 năm 2024

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

Lê Thị Mỹ Hạnh